TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 3 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Minh Trí là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C tham gia phiên tòa:*** Ông Thạch I Ran – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thạch Thị O, sinh năm 1979; (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Kiên Minh T**,** sinh năm 1974; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Thạch Thị O là nguyên đơn như sau*:**

Chị O và anh Kiên Minh T chung sống với nhau năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung

sống, chị O và anh T có 03 người con chung tên Kiên Thị Ng, sinh ngày 12/01/2000, Kiên Thị Bé Th, sinh ngày 01/8/2006 đã thành niên, sống tự lập và Kiên Minh S, sinh ngày 21/10/2011 hiện đang sống chung với anh T. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh T không có bàn bạc với chị mà tự quyết định các vấn đề trong gia đình, chị có khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi, anh T còn hăm dọa nhiều lần đòi chém, đòi giết chị. Do đó vợ chồng không còn sống chung với nhau, chị O về nhà cha, mẹ ruột sống từ tháng 4/2024 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng bị gạn nứt không thể hàn gắn nên chị O yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện chị O yêu cầu được nuôi con chung tên Kiên Minh S, sinh ngày 21/10/2011. Chị O không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị O đồng ý giao con tên Kiên Minh S cho anh Kiên Minh T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con và chị O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị O khai chị và anh T không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Kiên Minh T là bị đơn vắng mặt nhưng có lời khai: Hiện nay mối quan hệ giữa anh T và gia đình vợ không được tốt, vợ chồng có xãy ra cự cãi, anh có cầm kéo rượt đuổi vợ, hiện vợ chồng không có sự quan T nhau và đã ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2024. Chị O về sống bên nhà cha, mẹ vợ, còn anh T đang sống với con trai út tên Kiên Minh S. Về con chung thì anh T thống nhất với lời khai của chị O. Nay về hôn nhân yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O.

Về con chung anh T không đồng ý giao con chung tên Kiên Minh S cho chị O nuôi dưỡng vì từ lúc vợ anh bỏ đi thì anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do đó khi ly hôn anh T yêu cầu tiếp tục nuôi con mà không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T khai hiện nay anh T và chị O không có thiếu nợ ai.

- Cháu Kiên Minh S là con chung của chị O và anh T trình bày: Khi cha, mẹ ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha ruột là anh Kiên Minh T.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị O.

Vè hôn nhân: Chị O được ly hôn với anh Kiên Minh T.

Về con chung: Kiên Thị Ng, sinh ngày 12/01/2000, Kiên Thị Bé Th, sinh ngày 01/8/2006 đã thành niên và sống tự lập nên không đặt ra giải quyết.

Giao con chung tên Kiên Minh S, sinh ngày 21/10/2011 cho anh Kiên Minh T tiếp tục nuôi dưỡng và chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chng do anh T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị xử lý án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Kiên Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh T.

Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T C theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị O và anh Kiên Minh T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị O vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T do có nhiều mâu thuẫn, anh T có lời khai thống nhất đời sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Xét thấy qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp đã thể hiện về tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh T có nhiều mâu thuẫn do không có sự quan T, yêu thương, giúp đỡ nhau, anh T và chị O không còn chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2024. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh T đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị O được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị O và anh T có 03 người con chung tên Kiên Thị Ng, sinh ngày 12/01/2000, Kiên Thị Bé Th, sinh ngày 01/8/2006 và Kiên Minh S, sinh ngày 21/10/2011. Hiện nay anh T là người trực tiếp nuôi con tên Kiên Minh Sang. Do đó xét thấy cần giao con chung tên Kiên Minh S cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu Kiên Minh S. Đối với Kiên Thị Ng, Kiên Thị Bé Th đã thành niên và sống tự lập nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn chị O không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Chị O và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Chị O khai chị O và anh T không có thiếu nợ ai nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét thấy cần buộc chị Thạch Thị O phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị O.

Về hôn nhân: Chị Thạch Thị O được ly hôn với anh Kiên Minh T.

Về con chung: Giao con chung của chị O và anh T tên Kiên Minh S, sinh ngày 21/10/2011 cho anh Kiên Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Kiên Minh S. Chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về tài sản chung: Chị O và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Chị O và anh T khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Thạch Thị O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006422 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C. Chị O đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án giao bản án hoặc bản án được niêm yết

theo quy định của pháp luật để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- UBND thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tùng